

Bản án số: 59/2024/HNGĐ-ST

Ngày 29/02/2024

V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Hương Giang***

*Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Lý Thúy Hà***

*2. Ông **Trần Thế Dũng***

*- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Lan Chi** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.*

*- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Thị Hoàng Anh** - Kiểm sát viên.*

Ngày 29 tháng 02 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 327/2023/HNGĐ-ST, ngày 06/11/2023 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 04/01/2024, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn: Chị **Phan Thanh V**, sinh năm 1974*

*Địa chỉ: **Số nhà C, đường P, tổ dân phố D, phường H, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang**. Có mặt.*

* *Bị đơn: Anh **Trần Minh H**, sinh năm 1970*

*Địa chỉ: **Số nhà C, đường P, tổ dân phố D, phường H, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang**. Vắng mặt không có lý do.*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị **Phan Thanh V** trình bày:

Chị và anh **Trần Minh H** có thời gian tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 13/02/1992. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại tổ dân phố D, phường H, thành phố T. Trong quá trình chung sống, vợ chồng hoà thuận hạnh phúc, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính cách không hòa hợp và thường xuyên cãi chửi nhau. Mặc dù vợ chồng sống chung cùng nhau nhưng không có tiếng nói chung, không còn quan tâm đến nhau nữa. Chị **V** xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh **Trần Minh H**.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh **Trần Minh H** có 02 con chung tên là **Trần Minh D**, sinh ngày 12/12/1992 và **Trần Duy L**, sinh ngày 06/4/2003. Hiện nay 02 con chung đã trưởng thành và tự lập nên chị **V** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị **V** xác nhận chị và anh **H** có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Chị **V** xác nhận chị và anh **H** không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi thông báo về việc vụ thụ lý vụ án, thông báo hoà giải và đối chiếu chứng cứ cho anh **Trần Minh H** (bằng hình thức gửi bảo đảm qua đường bưu điện và niêm yết tại chính quyền địa phương) nhưng anh **H** đều vắng mặt không có lý do và cũng không nộp cho Tòa án văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo. Do vậy Tòa án không mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ để ra giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Kết quả thu thập chứng cứ thể hiện: Chị **Phan Thanh V** và anh **Trần Minh H** là vợ chồng, có đăng ký kết hôn. Chị **V** và anh **H** có đăng ký hộ khẩu thường trú tại **tổ dân phố D, phường H, thành phố T**. Trong thời gian sống tại địa phương không thấy chị **V**, anh **H** báo cáo về việc vợ chồng có mâu thuẫn nên tổ dân phố không biết. Vợ chồng anh **H**, chị **V** có 02 con chung hiện nay đều đã trên 18 tuổi. Tổ dân phố không nắm được chị **V** và anh **H** có tài sản chung và có vay nợ chung hay không.

Tại phiên tòa, chị **Phan Thanh V** trình bày: Chị và anh **H** sống ly thân đã lâu, không còn quan tâm đến nhau, hiện nay chị không còn tình cảm với anh **H**, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể hàn gắn được, chị đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị được ly hôn với anh **Trần Minh H**; Về con chung: Hiện nay 02 con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Chị **V** xác nhận vợ chồng có tài sản chung nhưng chị và anh **H** sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Chị **V** xác nhận chị và anh **H** không có vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã triệu tập họp lệ lần thứ hai đối với anh **Trần Minh H** đến tham gia tố tụng nhưng anh **H** vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Từ khi thụ lý đơn và trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đảm bảo đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự; Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật, trình tự tại phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Phan Thanh V** về việc xin ly hôn anh **Trần Minh H**.

Về con chung; tài sản chung và vay nợ chung: Chị **Phan Thanh V** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị **Phan Thanh V** phải nộp án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho nguyên đơn và bị đơn. Ngày 06/11/2023, Tòa án thụ lý vụ án và gửi thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh **Trần Minh H** bằng hình thức gửi bảo đảm qua đường bưu điện và niêm yết tại chính quyền địa phương nhưng anh **H** không đến Tòa án giải quyết vụ việc, tại các buổi hòa giải anh **H** vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không nộp các văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các chứng cứ kèm theo. Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh **Trần Minh H**.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Phan Thanh V** và anh **Trần Minh Hòa** kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường **H**, thành phố **T**, tỉnh **Tuyên Quang** vào ngày 19/02/1992. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị **V** và anh **H** là hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị **V** và anh **H** sống tại tổ dân phố **D**, phường **H**, thành phố **T**. Quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, cãi chửi nhau, bất đồng quan điểm sống. Chị **V** xác định không thể chung sống cùng anh **H** được nữa, tình cảm vợ chồng không còn, không hàn gắn được. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị **V** và anh **H** đã trầm trọng, mục đích hôn nhân nhằm xác lập quan hệ vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, bền vững đã không thể đạt được. Vì vậy, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Phan Thanh V** xin ly hôn anh **Trần Minh H**.

[3] Về con chung: Chị **Phan Thanh V** và Anh **Trần Minh H** có 02 con chung là **Trần Minh D**, sinh ngày 12/12/1992 và **Trần Duy L**, sinh ngày 06/4/2003. Hiện nay 02 con chung đã trưởng thành và tự lập nên chị **V** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị **Phan Thanh V** xác định vợ chồng có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về vay nợ chung: Chị **Phan Thanh V** xác định vợ chồng không có vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị **Phan Thanh V** phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh **Trần Minh H** không phải chịu án phí.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Điều 28; 35; 39; 147; khoản 2 Điều 227; 228; 266; 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 51; 56; 58 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Phan Thanh V** về việc xin ly hôn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Phan Thanh V** được ly hôn anh **Trần Minh H**

2. Về con chung: Chị **Phan Thanh V** và anh **Trần Minh H** có 02 con chung là **Trần Minh D**, sinh ngày 12/12/1992 và **Trần Duy L**, sinh ngày 06/4/2003. Hiện nay 02 con chung đã trưởng thành và tự lập nên chị **V** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị **Phan Thanh V** và anh **Trần Minh H** có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về vay nợ chung: Chị **Phan Thanh V** và anh **Trần Minh H** không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Chị **Phan Thanh V** phải nộp 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0000203 ngày 14/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Chị **V** đã nộp đủ án phí. Anh **Trần Minh H** không phải chịu án phí.

Chị **Phan Thanh V** có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh **Trần Minh H** có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP. Tuyên Quang (02 bản);
- Chi cục THADS TP. Tuyên Quang;
- UBND P. Hưng Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Hương Giang

